

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ

Số: 110 /GPMT-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huế, ngày 12 tháng 11 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét các Văn bản của Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Huế số 239/CV-ĐKQTH ngày 23 tháng 9 năm 2025 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường; Văn bản số 02/CV-ĐKQTH ngày 22 tháng 10 năm 2025 về việc giải trình các nội dung bổ sung, chỉnh sửa trong Báo cáo đề xuất cấp phép môi trường của dự án “Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Huế” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 6612/TTr-SNNMT ngày 05 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Huế, địa chỉ tại số 02, đường Nguyễn Tri Phương, phường Thuận Hóa, thành phố Huế được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Huế” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án

1.1. Tên Dự án: Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Huế.

1.2. Địa điểm hoạt động: thửa đất số 41, tờ bản đồ số 06 tọa lạc tại địa chỉ số 02, đường Nguyễn Tri Phương, phường Thuận Hóa, thành phố Huế.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần mã số doanh nghiệp: 3301597466 do Sở Tài chính cấp, đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 26 tháng 3 năm 2025.

1.4. Mã số thuế: 3301597466.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh: khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Quy mô: tổng diện tích đất thực hiện dự án 2.577,8 m², bao gồm 02 phần chính: phần ngầm (02 tầng), phần thân (15 tầng và 01 tầng áp mái) và các hạng mục công trình phụ trợ.

- Công suất: 212 giường.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Huế có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp

giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép là 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về nội dung báo cáo, tính pháp lý, tính chính xác, đầy đủ về hồ sơ, nội dung thẩm định trình UBND thành phố Huế theo đúng các quy định hiện hành.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Huế;
- UBND phường Thuận Hóa;
- Cổng Thông tin điện tử UBND thành phố;
- Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Hỗ trợ doanh nghiệp;
- VP: LĐ và các CV: TH, XD, DN;
- Lưu VT, CT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Quý Phương

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 110/GPMT-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2025 của UBND thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Toàn bộ nước thải phát sinh tại Dự án được thu gom về hệ thống xử lý nước thải (HTXLNT) của Bệnh viện có công suất 150 m³/ngày.đêm (24 giờ) để xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A) được đầu nối vào hệ thống thu gom thoát nước thải của thành phố, sau đó đưa về HTXLNT tập trung của Nhà máy xử lý nước thải thành phố Huế để tiếp tục xử lý; không được xả nước thải trực tiếp ra ngoài môi trường.

Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Huế đã có thỏa thuận đầu nối nước thải với Trung tâm Quản lý khai thác hạ tầng (là đơn vị vận hành Nhà máy xử lý nước thải thành phố Huế) tại Biên bản làm việc ngày 16/9/2025 về việc thỏa thuận cắt, đào đường vỉa hè để thi công lắp đặt công thoát nước thải sinh hoạt trên tuyến đường do Trung tâm Quản lý và Khai thác hạ tầng quản lý. Tọa độ vị trí đầu nối nước thải: X (m) = 1.820.985,64. Y (m) = 562.997,49 (theo Hệ tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiều 3⁰).

Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom thoát nước thải của thành phố phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2025/BTNMT (cột A)
1	pH	-	6-9
2	Nhiệt độ	°C	≤40
3	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	≤40
4	COD	mg/l	≤65
5	TSS	mg/l	≤40
6	Tổng Nito	mg/l	≤20
7	Amoni	mg/l	≤5
8	Tổng Phốt pho	mg/l	≤4
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤5
10	Tổng coliforms	MPN/100ml	≤3.000
11	Tổng Phenol	mg/l	≤1,0
12	Dầu mỡ khoáng	mg/l	≤1,0
13	Sunfua	mg/l	≤0,2
14	Florua	mg/l	≤3,0

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2025/BTNMT (cột A)
15	Clo dư	mg/l	$\leq 1,0$
16	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	$\leq 3,0$

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và thoát nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình tắm giặt, rửa tay, giặt là được thu gom bằng đường ống uPVC D110-160, tự chảy về bể thu gom của HTXLNT. Nước thải sinh hoạt từ các nhà xí được thu gom bằng đường ống uPVC D110-160 về bể tự hoại để xử lý sơ bộ, sau đó theo các đường ống uPVC D225 về bể thu gom của HTXLNT.

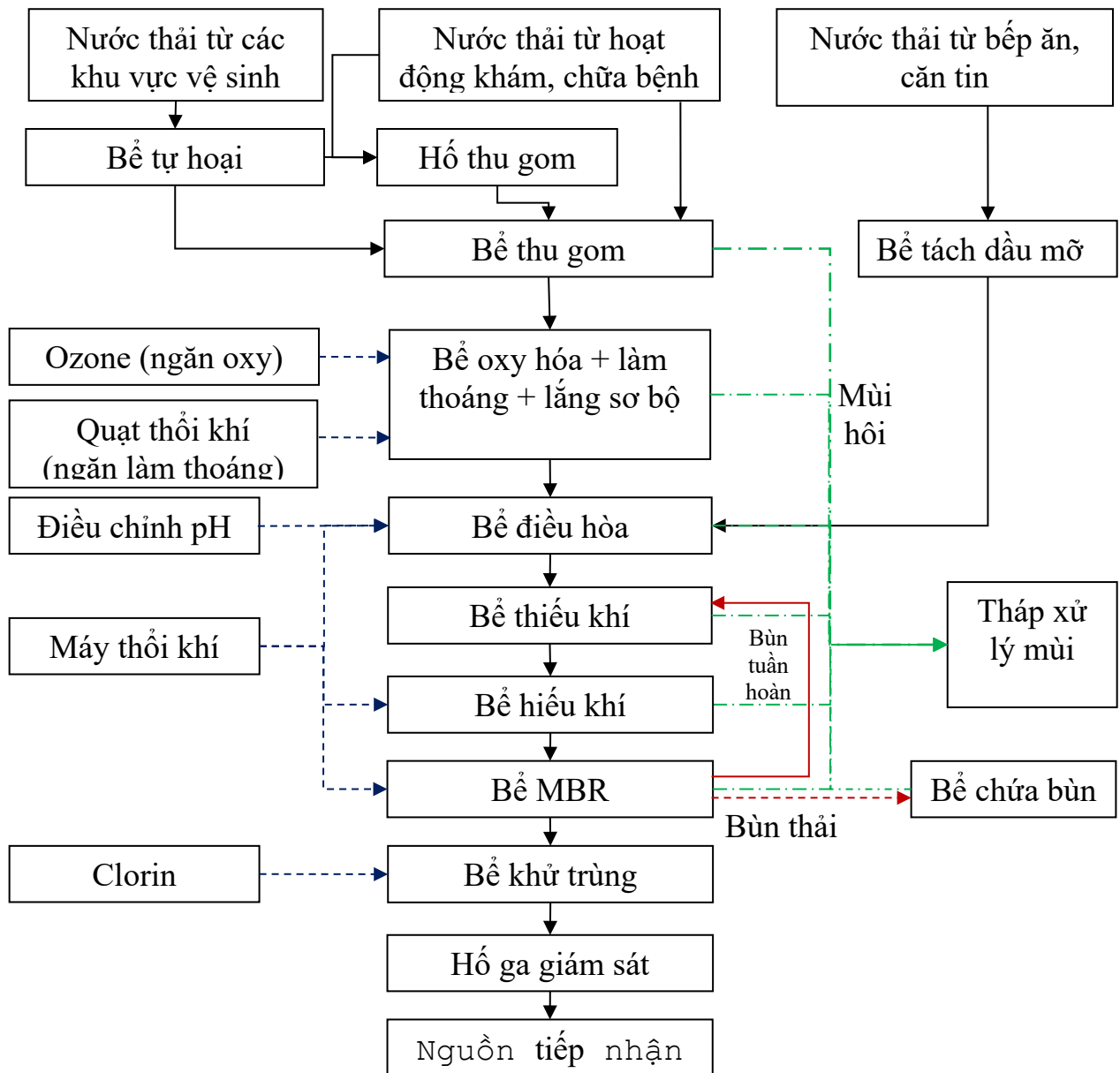
- Nguồn số 02: nước thải từ khu vực bếp ăn, căn tin được thu gom bằng đường ống inox D110, tự chảy về bể tách dầu mỡ sau đó chảy vào bể điều hòa của HTXLNT.

- Nguồn số 03: nước thải y tế từ hoạt động khám chữa bệnh được thu gom bằng đường ống uPVC D110-280, tự chảy về bể thu gom của HTXLNT.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Dự án xây dựng HTXLNT công suất 150 m³/ngày.đêm.

- Sơ đồ công nghệ của HTXLNT được trình bày tại hình sau:



(Đạt cột A, QCVN 40:2025/BTNMT)

- Thông số kỹ thuật các bể xử lý:

Stt	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Thể tích (m ³)	Thời gian lưu (giờ)
1	Bể thu gom	Kích thước: 2,4 x 1,05 x 2,4 m Vật liệu: inox 304 dày 3mm	1	6	0,96
2	Bể oxy hóa + làm thoáng +lắng	Kích thước: 2,4 x 1,2 x 2,6 m Chia làm 3 ngăn Vật liệu: inox 304 dày 3mm	1	7	1,12
3	Bể điều hòa	Kích thước: 3,1 x 2,4 x 2,1 m Vật liệu: inox 304 dày 3mm	4	62	9,9
4	Bể thiếu khí	Kích thước: 3,1 x 2,4 x 2,1 m Vật liệu: inox 304 dày 3mm	2	31	4,96
5	Bể hiếu khí	Kích thước: 3,1 x 2,4 x 2,1 m	4	62	9,9

Stt	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Thể tích (m ³)	Thời gian lưu (giờ)
		Vật liệu: inox 304 dày 3mm			
6	Bể MBR	Kích thước: 3,1 x 2,4 x 2,1 m Vật liệu: inox 304 dày 3mm	2	31,2	2,49
7	Bể khử trùng	Kích thước: 3,1 x 2,4 x 2,1 m Vật liệu: inox 304 dày 3mm	1	15,6	2,49
8	Bể chứa bùn	Kích thước: 3,1 x 2,4 x 2,1 m Vật liệu: inox 304 dày 3mm	1	15,6	-

- Danh mục máy móc thiết bị:

Stt	Tên thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	Nguồn gốc/ Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị
(1)	(2)	(3)	(5)	(4)	(4')
I	HỒ GOM			1	bể
1.1	Song tách rác thô		Trường An	1	bộ
		Loại: tách rác thủ công			
		Công suất: 40m ³ /h			
		Kích thước lỗ: 10mm			
		Vật liệu: SuS304, dày 1,2mm/V4x2mm			
1.2	Bơm nước thải		Hãng HCP - Trung Quốc	2	bộ
		Kiểu bơm: bơm chìm			
		Điện áp: 3pha / 380V / 50Hz			
		Lưu lượng: 12m ³ /h			
		Cột áp: 8m			
		Công suất: 0,75 KW			
		Bao gồm xích treo bơm bằng inox 304			
1.3	Bơm nước thải		Hãng HCP - Trung Quốc	2	bộ
		Kiểu bơm: bơm chìm			
		Điện áp: 3pha / 380V / 50Hz			
		Lưu lượng: 18m ³ /h			
		Cột áp: 7 m			
		Công suất: 0,75 KW			
		Bao gồm xích treo bơm bằng inox 304			
1.4	Cảm biến mực nước		Hãng MAC 3 - Ý	3	bộ
		Model: MAC3			
		Kiểu cảm biến dạng phao			

Stt	Tên thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	Nguồn gốc/ Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị
(1)	(2)	(3)	(5)	(4)	(4')
		Vật liệu: polypropylene			
		Cấp độ bảo vệ: IP68			
		Kích thước: 106 x 154 x 54 mm			
		Nguồn điện: 16A/250 V			
II	BỂ OXI HÓA - LÀM THOÁNG			1	bể
2.1	Máy Ozone		Hãng Ozone max - Việt Nam	1	bộ
		Ozone Generator: 10g/h			
		Nguồn điện: 175w/1pha/220v/50Hz			
		Bộ làm giàu oxy trong không khí			
		Điện cực giải nhiệt bằng không khí			
		Biến áp cao tần			
2.2	Quạt thổi khí	Model: QLT-4P02	Hãng HDP - Việt Nam	1	bộ
		Lưu lượng: 3200 m ³ /h			
		Cột áp: 1.000mmAq			
		Điện năng: 380V/3ph/50Hz			
		Gồm ống khớp nối mềm + đế inox 304			
		Công suất motor: N= 1,5kW			
2.3	Vật liệu tiếp xúc		Việt Nam	1	bộ
		Dạng quả cầu			
		Đường kính: 50mm			
		Vật liệu: Nhựa PP, màu trắng			
		Nhiệt độ làm việc: 5-80 oC			
		Bề mặt riêng: 350 - 450m ² /m ³			
		Độ rỗng xốp: 93-96%			
		Áp suất làm việc: 1-3 ba			
2.4	Bơm trộn làm thoáng		Hãng Ebara - Ý	1	bộ
		Kiểu bơm: ly tâm trục ngang cánh hở			
		Điện áp: 3pha / 380V / 50Hz			
		Lưu lượng: 6m ³ /h			

Stt	Tên thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	Nguồn gốc/ Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị
(1)	(2)	(3)	(5)	(4)	(4')
		Cột áp: 10m			
		Công suất: 1,5 KW			
		Đầu và trục bơm bằng Inox			
		Đế bơm bằng inox 304			
III	BỂ ĐIỀU HÒA			1	bể
3.1	Bơm nước thải		Hãng HCP - Trung Quốc	2	bộ
		Kiểu bơm: bơm chìm			
		Điện áp: 3pha / 380V / 50Hz			
		Lưu lượng: 12m ³ /h			
		Cột áp: 8m			
		Công suất: 0,75 KW			
		Bao gồm xích treo bơm bằng inox 304			
3.2	Cảm biến mực nước		Hãng MAC 3 - Ý	1	bộ
		Model: MAC3			
		Kiểu cảm biến dạng phao			
		Vật liệu: polypropylene			
		Cấp độ bảo vệ: IP68			
		Kích thước: 106 x 154 x 54 mm			
		Nguồn điện: 16A/250 V			
3.3	Sọt tách rác tinh		Trường An	1	bộ
		Loại: tách rác thủ công			
		Công suất: 20m ³ /h			
		Kích thước lỗ: 5mm			
		Vật liệu: SuS304, dày 1,2mm/V3x2mm			
3.4	Đĩa phân phối khí thô		Hãng EDI - Mỹ	10	cái
		Model: PC75 Medium			
		Đường kính: 3"			
		Loại: bọt khí thô			
		Đầu nối: ren ¾"			
		Vật liệu: màng EPDM, khung PP			
IV	BỂ THIẾU KHÍ			1	bể

Stt	Tên thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	Nguồn gốc/ Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị
(1)	(2)	(3)	(5)	(4)	(4')
4.1	Thiết bị khuấy trộn		Hãng Evergush - Đài Loan	4	bộ
		Model: EFM 10 T			
		Điện 3 pha / 380V / 50 Hz/IP 68/Class F			
		Công suất: 0,75Kw			
		Loại khuấy trộn chìm			
		Cánh khuấy bằng vật liệu SUS304			
4.2	Bơm định lượng hóa chất		Hãng AQUA - Ý	2	cái
		Model: HC151+CST M80			
		Loại: màng			
		Công suất: 5-15L/h, H: 3-10 bar			
		Điện năng: 58W/220V/1ph/50Hz			
4.3	Bồn chứa hóa chất		Việt Nam	2	cái
		Vật liệu: PVC/LLDPE			
		Loại: Bồn đứng			
		Thể tích: 500lít			
4.4	Cảm biến mực nước		Hãng MAC3 - Ý	2	bộ
		Model: MAC3			
		Kiểu cảm biến dạng phao			
		Vật liệu: polypropylene			
		Cấp độ bảo vệ: IP68			
		Kích thước: 106 x 154 x 54 mm			
		Nguồn điện: 16A/250 V			
V	BỂ HIẾU KHÍ			1	bể
5.1	Máy thổi khí	Model ARS80	Hãng ShinMaywa - Nhật Bản	2	bộ
		Lưu lượng: 6,24 m ³ /min			
		Cột áp: 3.000 mmAq (30kPa)			
		Điện năng motor: 380V/3ph/50Hz			
		01 bộ gồm đầu thổi khí, Silencel, check valve, safety valve, bộ chân đế, Pully, V-bell, belt cover, đồng hồ.			

Stt	Tên thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	Nguồn gốc/ Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị
(1)	(2)	(3)	(5)	(4)	(4')
		Gồm ống giảm thanh và khớp nối mềm đầu ra (VN)			
		Công suất motor: N= 5,5kW	Hãng Enetech - Úc		
5.2	Đĩa phân phối khí tinh		Hãng EDI - Mỹ	42	cái
		Model: DC09 (Micro)			
		Lưu lượng hoạt động: 0,8-4,8 m ³ /h			
		Đường kính: 9"			
		Loại: bọt khí mịn			
		Đầu nối: ren ¾"			
		Vật liệu: màng EPDM, khung PP			
5.3	Bơm nước thải		Hãng HCP - Trung Quốc	2	bộ
		Kiểu bơm: bơm chìm			
		Điện áp: 3pha / 380V / 50Hz			
		Lưu lượng: 7m ³ /h			
		Cột áp: 6m			
		Công suất: 0,4 KW			
		Bao gồm xích treo bơm bằng inox 304			
VI	BỂ MÀNG MBR			2	bể
6.1	Bơm nước thải		Hãng HCP - Trung Quốc	1	bộ
		Kiểu bơm: bơm chìm			
		Điện áp: 3pha / 380V / 50Hz			
		Lưu lượng: 7m ³ /h			
		Cột áp: 6m			
		Công suất: 0,4 KW			
		Bao gồm xích treo bơm bằng inox 304			
6.2	Cảm biến mực nước		Hãng MAC 3 - Ý	2	bộ
		Model: MAC3			
		Kiểu cảm biến dạng phao			
		Vật liệu: polypropylene			
		Cấp độ bảo vệ: IP68			
		Kích thước: 106 x 154 x 54 mm			
		Nguồn điện: 16A/250 V			
6.3	Thiết bị MBR	Lưu lượng thiết kế: 75 m ³ /ngày.đêm	Singapore	2	bộ
		Vật liệu màng: PVDF	Trung Quốc		

Stt	Tên thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	Nguồn gốc/ Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị
(1)	(2)	(3)	(5)	(4)	(4')
		Kích thước lọc: 0,1 μ m			
		Vỏ màng: UPVC/ABS			
		Ống và phụ kiện UPVC	Trung Quốc		
		Đồng hồ đo lưu lượng dạng ống	Trung Quốc		
		Khung bằng inox 304	Việt Nam		
6.4	Bơm định lượng hóa chất		Hãng AQUA - Ý	3	cái
		Model: HC151+CST M80			
		Loại: màng			
		Công suất: 5-15L/h, H: 3-10 bar			
		Điện năng: 58W/220V/1ph/50Hz			
6.5	Bộ autovavle rửa màng		Trung Quốc	7	bộ
		Loại van điều khiển bằng khí nén			
		Cấp nguồn 24 VDC			
		Thân bằng uPVC			
		Áp lực chịu tối đa: 7bar			
6.6	Bồn chứa nước sạch sau MBR		Việt Nam	1	cái
		Vật liệu: PVC/LLDPE			
		Loại: Bồn đứng			
		Thể tích: 5.000lít			
6.7	Bồn chứa nước rửa màng		Việt Nam	1	cái
		Vật liệu: PVC/LLDPE			
		Loại: Bồn đứng			
		Thể tích: 2.000lít			
6.8	Bơm lọc màng MBR		Hãng Cospet - Ý	2	bộ
		Model: DIG-T 50-1.1			
		Kiểu bơm: ly tâm trục ngang tự mỗi			
		Điện áp: 3pha / 380V / 50Hz			
		Lưu lượng: 6m ³ /h			
		Cột áp: 19m			
		Công suất: 1,1 KW			
		Trục bơm bằng Inox			
		Đế bơm bằng inox			
6.9	Bơm rửa màng MBR		Hãng Cospet - Ý	1	bộ
		Model: JET-T 100			
		Kiểu bơm: ly tâm trục ngang tự mỗi			

Stt	Tên thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	Nguồn gốc/ Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị
(1)	(2)	(3)	(5)	(4)	(4')
		Điện áp: 3pha / 380V / 50Hz			
		Lưu lượng: 6m ³ /h			
		Cột áp: 22m			
		Công suất: 1,1 KW			
		Trục bơm bằng Inox			
		Đế bơm bằng inox			
6.10	Thiết bị lọc tinh		Trung Quốc	1	bộ
		Kích thước: 220x760mm			
		Vật liệu: Inox 304 dày 1mm			
6.11	Thiết bị khuấy trộn đường ống		Trường An	1	bộ
		Kích thước: 760x700mm			
		Vật liệu: Inox 304 dày 2,5mm			
6.12	Cảm biến áp suất		Hãng Wise - Hàn Quốc	1	bộ
		Kiểu cảm biến áp suất dạng tuyến tính			
VII	BỂ KHỬ TRÙNG			1	bể
7.1	Bơm ra công Thành Phố		Hãng CNP - Trung Quốc	2	bộ
		Kiểu bơm: ly tâm trục ngang			
		Điện áp: 3pha / 380V / 50Hz			
		Lưu lượng: 15m ³ /h			
		Cột áp: 35m			
		Công suất: 2,2 KW			
		Đầu và trục bơm bằng Inox			
		Đế bơm bằng inox 304			
7.2	Cảm biến áp suất		Hãng Wise - Hàn Quốc	1	bộ
		Kiểu cảm biến áp suất dạng tuyến tính			
7.3	Đồng hồ đo lưu lượng dạng cơ		Malaysia	1	bộ
		Đường kính: DN50			
		Loại: cơ			
7.4	Bơm định lượng hóa chất		Hãng AQUA - Ý	1	cái
		Model: HC151+CST M80			
		Loại: màng			
		Công suất: 5-15L/h, H: 3-10 bar			
		Điện năng: 58W/220V/1ph/50Hz			

Stt	Tên thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	Nguồn gốc/ Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị
(1)	(2)	(3)	(5)	(4)	(4')
7.5	Bồn chứa hóa chất		Việt Nam	1	cái
		Vật liệu: PVC/LLDPE			
		Loại: bồn đứng			
		Thể tích: 500lít			
7.6	Cảm biến mực nước		MAC 3 - Ý	1	bộ
		Model: MAC3			
		Kiểu cảm biến dạng phao			
		Vật liệu: polypropylene			
		Cấp độ bảo vệ: IP68			
		Kích thước: 106 x 154 x 54 mm			
		Nguồn điện: 16A/250 V			
7.7	Máy nén khí	Model: PK20120	Hãng PAYRANG - Việt Nam	1	bộ
		Công suất: 2,2Kw/ 3pha/380v			
		Áp lực chịu tối đa: 7bar			
7.8	Khung và hệ đỡ bơm định lượng		Việt Nam	1	bộ
		Vật liệu: bằng Inox 305			
VIII	BỂ CHỨA BÙN			1	bể
8.1	Bơm bùn ra xe chở bùn		Hãng Ebara - Ý	1	bộ
		Kiểu bơm: ly tâm trục ngang cánh hở			
		Điện áp: 3pha / 380V / 50Hz			
		Lưu lượng: 10m ³ /h			
		Cột áp: 15m			
		Công suất: 2,2 KW			
		Đầu và trục bơm bằng Inox			
		Đế bơm bằng inox 304			

- Hóa chất sử dụng:

Stt	Tên hóa chất	Lượng sử dụng (kg/năm)	Mục đích sử dụng
1	Men vi sinh	200	Vi sinh xử lý nước
2	Mật rỉ	100	Dưỡng chất nuôi vi sinh
3	Chlorine	100	Khử trùng
4	NaOH	200	Điều chỉnh pH
5	Axit Citrit	50	Rửa màng MBR
6	Na ₂ CO ₃	50	Rửa màng MBR

Stt	Tên hóa chất	Lượng sử dụng (kg/năm)	Mục đích sử dụng
7	NaClO	200	Rửa màng MBR

1.3. Công trình thoát nước thải

Nước thải sau xử lý tại HTXLNT đạt QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A) sẽ theo đường ống uPVC D90 chảy ra hố ga giám sát nước thải bằng bê tông cốt thép (BTCT) kích thước 600x600x800mm sau đó theo đường ống uPVC D400 đầu nối vào hệ thống thoát nước trên đường Hà Nội, phường Thuận Hóa, thành phố Huế. Tổng chiều dài đường ống thoát nước thải khoảng 45 m.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Vận hành HTXLNT theo đúng kỹ thuật, quy trình, công suất; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế; lập sổ theo dõi lưu lượng, chất lượng nước thải và hoạt động của HTXLNT.

- Kiểm tra quá trình thu gom nước thải của tuyến ống dẫn nhằm kịp thời khắc phục thay thế kịp thời các vị trí bị rò rỉ nước thải; thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn; tiến hành nạo vét hệ thống cống rãnh định kỳ.

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành HTXLNT có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, được đào tạo tập huấn đầy đủ các nội dung vận hành hệ thống, ứng phó sự cố; thực hiện đúng quy trình vận hành đã được ban hành.

- Khi phát hiện sự cố, ngưng hoạt động, hồi lưu toàn bộ nước thải không đạt tiêu chuẩn về bề điều hòa để tiến hành xử lý lại và nhanh chóng rà soát, xử lý sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

- Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải:

+ Thời gian bắt đầu: sau khi được cấp giấy phép môi trường.

+ Thời gian kết thúc: không quá 06 tháng kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng các công trình xử lý nước thải.

- Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý công trình xử lý chất thải:

Stt	Vị trí lấy mẫu	Thời gian lấy mẫu	Loại mẫu	Chỉ tiêu	Quy chuẩn so sánh
	HTXLNT công suất 150 m³/ngày.đêm				
1	Nước thải đầu vào HTXLNT (tại bể thu gom)	01 mẫu trong giai đoạn vận	Mẫu đơn	Lưu lượng, pH, Nhiệt độ, TSS, BOD ₅ (20°C), COD, Tổng N, Tổng P, amoni,	QCVN 40:2025/BTNMT

		hành ổn định		tổng phenol, dầu mỡ động thực vật, tổng Coliform, tổng dầu mỡ khoáng, sunfua, Florua, Clo dư, Chất hoạt động bề mặt anion.	(cột A)
2	Nước thải sau HTXLNT (hồ ga giám sát nước thải trước khi đầu nối)	01 ngày/lần trong 3 ngày liên tiếp (03 mẫu)	Mẫu đơn		

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom thoát nước thải của thành phố.

3.2. Vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

3.3. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi đầu nối vào hệ thống thu gom thoát nước thải của thành phố không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép môi trường này ra môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 110/GPMT-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2025 của UBND thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

Nguồn phát sinh: khí thải từ HTXLNT.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Dòng khí thải: Dự án có 01 dòng khí thải sau xử lý xả ra môi trường.

2.2. Vị trí xả khí thải

- Vị trí xả khí thải (theo Hệ tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiều 3⁰): X (m) 1.821.023,34; Y (m) = 562.988,30.

2.3. Lưu lượng xả khí thải tối đa: 3.600 m³/giờ.

2.4. Phương thức xả khí thải: cưỡng bức.

2.5. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cụm thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị tính	QCVN 19:2024/BTNMT (cột A)
1	Amoniac (NH ₃)	mg/Nm ³	≤15
2	Hydro sunphua (H ₂ S)	mg/Nm ³	≤6

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI PHÁT SINH TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

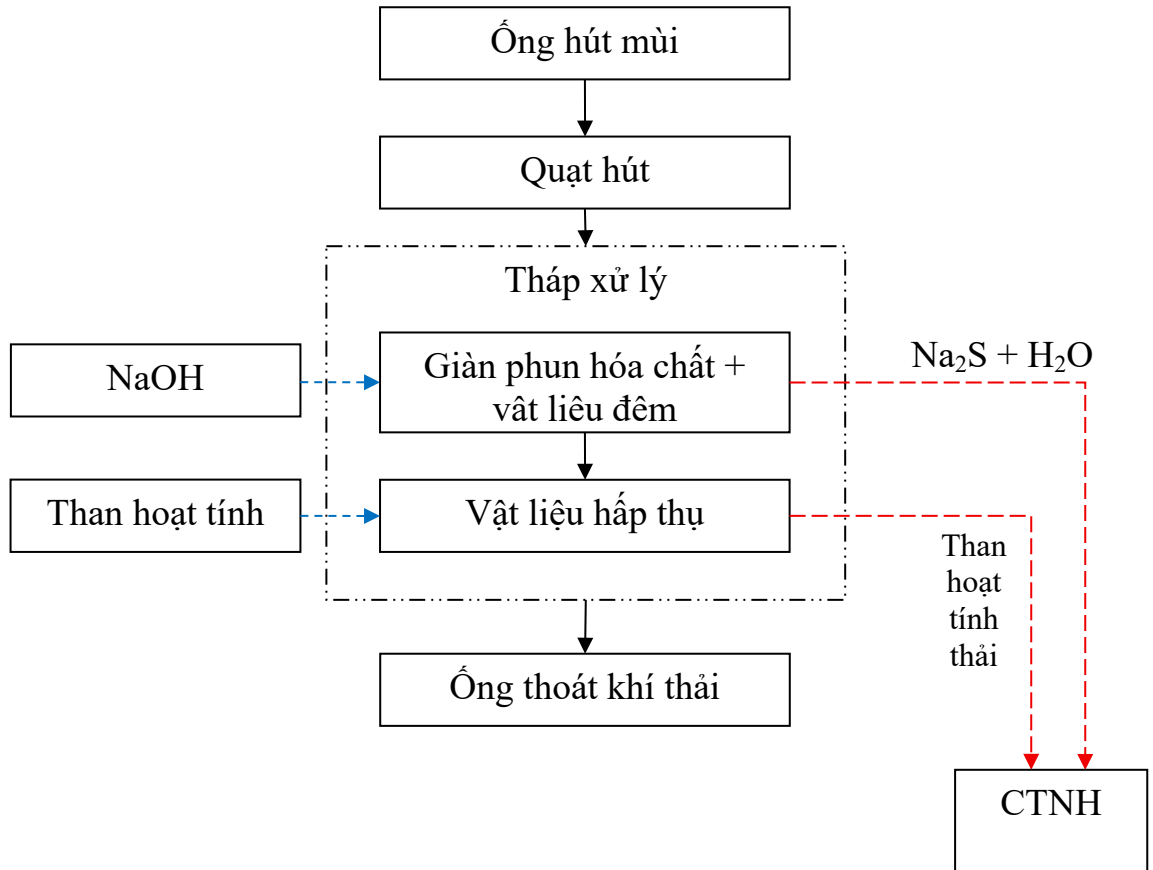
1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải

Mùi phát sinh từ các bể thu gom, bể điều hòa, bể sinh học thiếu khí, bể sinh học hiếu khí, bể MBR, bể chứa bùn được thu gom bằng đường ống uPVC D90 mm đưa vào thiết bị khử mùi, khí thải sau khi qua tháp hấp thụ theo đường ống uPVC D114 mm thoát ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Sơ đồ công nghệ thu gom, xử lý mùi từ HTXLNT:



Stt	Máy móc, thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính	Xuất xứ
1	Quạt hút khí	Model: QLT-2P03 Lưu lượng: 3.600 m ³ /giờ Cột áp: 2.500mmAq Điện năng: 380V/3ph/50Hz Gồm ống khớp nối mềm + đế inox 304 Công suất motor: N= 2,2kW	1	bộ	Việt Nam
2	Bộ xử lý mùi	Vật liệu: Bảng Inox 304 dày 3mm Vật liệu khử mùi, khí trung thối	1	bộ	Trường An
3	Bể chứa dịch khử mùi	Vật liệu: Bảng Inox 304 dày 3mm	1	bộ	Trường An
4	Cảm biến mực nước	Kiểu cảm biến dạng phao	1	bộ	Châu Âu
5	Bơm hút dịch hóa chất	Kiểu bơm trục ngang cánh bằng nhựa Đầu bơm bằng vật liệu PPH Điện áp: 1pha / 220V / 50Hz Lưu lượng: 6m ³ /h	1	bộ	Trung Quốc

Stt	Máy móc, thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính	Xuất xứ
		Cột áp: 10m Công suất: 260W			
6	Vật liệu tiếp xúc	Dạng quả cầu Đường kính: 50mm Vật liệu PE/PP	1	bộ	Việt Nam
7	Than hoạt tính	Than gáo dừa	1	lốp	Nhật Bản
8	Dung dịch NaOH	Nồng độ 5%	1	bể	Trung Quốc

- Hóa chất sử dụng:

Stt	Tên hóa chất	Lượng sử dụng (kg/năm)	Mục đích sử dụng
1	NaOH	50 kg/năm	Xử lý khí thải
2	Than hoạt tính	20 kg/năm	Xử lý khí thải

1.3. Thoát khí thải

Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột A) theo đường ống uPVC D114 mm thoát ra môi trường.

1.4. Sự cố tại hệ thống xử lý khí thải

- Đảm bảo vận hành thường xuyên và theo đúng kỹ thuật của nhà cung cấp.
- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của thiết bị; kiểm tra việc rò rỉ và khắc phục sửa chữa, thay thế đường ống nếu có hư hỏng.
- Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống như quạt hút, ống dẫn để kịp thời thay thế nếu hư hỏng.
- Khi phát hiện sự cố, ngưng hoạt động thực hành và nhanh chóng rà soát, xử lý sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

- Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải:
 - + Thời gian bắt đầu: sau khi được cấp giấy phép môi trường.
 - + Thời gian kết thúc: không quá 06 tháng kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng các công trình xử lý khí thải.
- Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý công trình xử lý khí thải như sau:

Stt	Vị trí lấy mẫu	Thời gian lấy mẫu	Loại mẫu	Chỉ tiêu	Quy chuẩn so sánh
	Tháp xử lý mùi công suất 3.600 m³/h				
1	Ống thoát khí thải của tháp xử lý mùi	01 mẫu/ngày trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định (03 mẫu)	Mẫu đơn	Lưu lượng, Amoniac (NH ₃), Hydro sunphua (H ₂ S)	QCVN 19:2024/BTNMT (cột A)

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 110/GPMT-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2025
của UBND thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh: từ hoạt động của phương tiện giao thông ra vào Dự án; từ hoạt động của máy móc, thiết bị của HTXLNT; khu vực máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung có tọa độ (theo Hệ tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trục 107°, múi chiều 3°) như sau:

Điểm	Hệ tọa độ VN-2.000 (kinh tuyến trục 107°00', múi chiều 3°)	
	Tọa độ X (m)	Tọa độ Y (m)
1	1.821.038,89	562.982,62
2	1.821.038,60	562.982,77
3	1.821.030,51	562.987,96
4	1.821.027,32	562.988,96
5	1.820.986,19	563.012,34
6	1.820.987,91	562.985,43
7	1.820.989,98	562.937,60
8	1.820.990,46	562.926,62
9	1.820.999,44	562.924,46
10	1.820.999,88	562.924,36
11	1.821.017,94	562.951,28
12	1.821.033,43	562.974,34

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau

3.1. Tiếng ồn

Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Giá trị giới hạn như sau:

Stt	Khu vực bị ảnh hưởng	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Khu vực đặc biệt	55	45	Theo yêu cầu của Chủ dự án và giám sát khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền

Kể từ ngày 14 tháng 11 năm 2025, áp dụng các quy định tại QCVN 26:2025/BNMT theo quy định tại Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh.

3.2. Độ rung

Độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. Giá trị giới hạn như sau:

Stt	Khu vực bị ảnh hưởng	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Khu vực đặc biệt	60	55	Theo yêu cầu của Chủ dự án và giám sát khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền

Kể từ ngày 14 tháng 11 năm 2025, áp dụng các quy định tại QCVN 27:2025/BNMT theo quy định tại Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng bảng điện tử thông tin về số thứ tự khám bệnh, đóng phí,... nhằm giảm thiểu tiếng ồn từ loa thông tin, chỉ sử dụng loa khi cần thiết.

- Các máy móc, thiết bị phát sinh tiếng ồn được đặt riêng biệt trong phòng cách âm; bố trí cây xanh khuôn viên Bệnh viện để tạo bóng mát và che chắn, hấp thu tiếng ồn; bố trí khu vực đậu xe phù hợp trong khuôn viên Bệnh viện; quy định không bấm còi trong khuôn viên Bệnh viện; đặt biển báo, báo hiệu giảm tốc độ cho các phương tiện giao thông khi ra vào khuôn viên Bệnh viện.

- Quy định cụ thể thời gian khám, chữa bệnh và thăm nuôi bệnh nhân trong ngày; yêu cầu nhân viên, người bệnh và thân nhân tuân thủ chấp hành các nội quy của Bệnh viện.

- Vị trí đặt phòng máy phát điện cách xa các khu vực khám, chữa bệnh,... đảm bảo không ảnh hưởng đến những nơi có nhiều người qua lại; phòng đặt máy được xây dựng kiên cố, có tường bao xung quanh; nền móng đặt máy phát điện được gia cố bằng bê tông có chất lượng cao; bộ máy có lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo đúng thiết kế để giảm rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn và độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 110/GPMT-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2025
của UBND thành phố)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Trong quá trình hoạt động, Dự án có thể phát sinh các loại chất thải nguy hại (CTNH) với chủng loại và khối lượng ước tính như sau:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
I	CTNH lây nhiễm			9.287,8
1	Chất thải sắc nhọn	rắn	13 01 01	9.287,8
	Chất thải không sắc nhọn	rắn		
	Chất thải nguy cơ lây nhiễm cao	rắn/lỏng		
	Chất thải giải phẫu	rắn/lỏng		
II	CTNH không lây nhiễm			17.706,2
1	Hóa chất thải bao gồm hoặc các thành phần nguy hại	rắn/lỏng	13 01 02	3.000,0
2	Dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxyc và cytostatic) thải	rắn/lỏng	13 01 03	2.000,0
3	Các thiết bị y tế vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (như nhiệt kế)	rắn	13 03 02	500,0
4	Bóng đèn huỳnh quang	rắn	16 01 06	20,2
5	Pin, ắc quy thải	rắn	16 01 12	20,0
6	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác	rắn	18 01 04	300,0
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	rắn	18 02 01	100,0
8	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải	rắn	19 02 06	250,0
9	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	rắn	12 01 04	20,0
10	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	rắn	12 06 05	11.496,0
	Tổng cộng			26.994,0

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường

phát sinh

1.2.1. Chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn (CTR) sinh hoạt tại Bệnh viện, bao gồm: giấy, bao bì, thức ăn thừa, lon/chai đựng nước uống, nhựa, thủy tinh,... phát sinh từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của nhân viên, bệnh nhân, người nhà bệnh nhân lưu trú tại Bệnh viện. Khối lượng khoảng 1.583,4 kg/ngày.

1.2.2. Chất thải rắn thông thường

Bùn từ bể tự hoại với khối lượng khoảng 262,8 kg/năm, được lưu giữ tạm thời ở ngăn chứa của bể tự hoại. Dầu mỡ thải từ bể tách dầu mỡ khoảng 100 kg/năm, được lưu giữ tạm thời ở ngăn tách mỡ của bể tách dầu mỡ. Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng vận chuyển, xử lý đúng theo quy định.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Chất thải lây nhiễm: tại mỗi khoa, phòng sẽ bố trí 01 thùng rác (thể tích 15 lít/thùng, màu vàng) và bố trí dọc hành lang 03 thùng rác (thể tích 60 lít/thùng, màu vàng). Các thùng rác bố trí đều có nắp đậy, có dán nhãn hướng dẫn phân loại thu gom chất thải lây nhiễm. Bố trí nhân viên vệ sinh thay túi rác định kỳ 01 hoặc nhiều lần/ngày tùy vị trí, các túi rác sẽ được nhân viên vệ sinh chuyển về kho chứa theo đúng quy định của từng loại.

- Chất thải không lây nhiễm: tại mỗi khoa, phòng sẽ bố trí 01 thùng rác (thể tích 15 lít/thùng, màu đen). Các thùng rác bố trí đều có nắp đậy, có dán nhãn hướng dẫn phân loại thu gom chất thải không lây nhiễm. Bố trí nhân viên vệ sinh thay túi rác định kỳ 01 hoặc nhiều lần/ngày tùy vị trí, các túi rác sẽ được nhân viên vệ sinh chuyển về kho chứa theo đúng quy định của từng loại.

- Tại kho lưu chứa:

+ Thiết bị lưu chứa: bố trí các túi hoặc thùng lót túi (màu vàng) chứa chất thải lây nhiễm, hộp đựng chất thải sắc nhọn; bố trí 06 thùng chứa (thể tích 240 lít/thùng, màu vàng) có nắp đậy.

+ Diện tích kho lưu chứa: 10 m².

+ Khu vực bố trí: tại tầng hầm B2.

+ Cấu tạo: nền kho, tường bên trong kho trát nền PU chống thấm, đảm bảo không bị nước mưa xâm nhập. Nhà chứa chất thải được ngăn cách thành các kho riêng biệt, có bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy (PCCC). Chủ dự án ký

hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải lây nhiễm theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn

- Tổ chức phân loại tại nguồn theo 04 nhóm: nhóm tái chế, tái sử dụng (giấy các loại, nhựa các loại, kim loại các loại, thủy tinh các loại); nhóm chất thải thực phẩm; nhóm CTNH (pin, ắc quy, bóng đèn huỳnh quang, thiết bị điện tử hỏng, các loại chất thải nguy hại khác); nhóm chất thải còn lại (không bao gồm chất thải xây dựng và các chết động vật nuôi). Trong đó nhóm CTNH (pin, ắc quy, các loại chất thải nguy hại khác) được đưa về thu gom chung và lưu chứa chung với các loại CTNH khác tại kho CTNH tại Dự án.

- CTR sinh hoạt được chứa trong các thùng rác (thể tích 15 - 20 lít/thùng) đặt dọc hành lang khu khám bệnh, phòng điều trị nội trú, các phòng khám, phòng chức năng và thùng chứa (thể tích 240 lít/thùng) đặt tại các phòng lưu chứa chất thải tạm thời và phòng lưu chứa chất thải tập trung. Nhân viên vệ sinh của Bệnh viện sẽ định kỳ thu gom lượng chất thải này về phòng chứa CTR thông thường tập trung của Bệnh viện với tần suất 01 lần/ngày.

- Tại kho lưu chứa:

+ Thiết bị lưu chứa: bố trí 06 thùng chứa (thể tích 240 lít/thùng, màu trắng) để chứa chất thải tái chế, tái sử dụng; 05 thùng chứa (thể tích 240 lít/thùng, màu xanh đen) để chứa chất thải hữu cơ; 25 thùng chứa (thể tích 240 lít/thùng, màu xanh lá) để chứa chất thải không có khả năng tái chế.

+ Diện tích kho lưu chứa: tổng diện tích 70 m², trong đó: kho chứa chất thải hữu cơ và chất thải không có khả năng tái chế tại Dự án có diện tích là 54 m²; kho chứa chất thải có khả năng tái chế có diện tích 16 m².

+ Khu vực bố trí: tại tầng hầm B2.

+ Cấu tạo: nền kho, tường bên trong kho trát nền PU chống thấm, đảm bảo không bị nước mưa xâm nhập. Nhà chứa chất thải được ngăn cách thành các kho riêng biệt, có bố trí thiết bị PCCC. Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải rắn theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Sự cố cháy nổ

Bệnh viện đã đầu tư xây dựng hệ thống PCCC theo thiết kế đã được Phòng cảnh sát PCCC và CNCH - Công an thành phố Huế phê duyệt, đối với công trình đã đưa vào sử dụng đã được nghiệm thu PCCC đầy đủ. Các nội dung đầu tư xây dựng bao gồm:

- Bể chứa nước PCCC (thể tích 320 m³).

- Bậc chịu lửa, giải pháp ngăn cháy, giao thông phục vụ chữa cháy, lối thoát nạn.
- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, chữa cháy tự động Sprinkler, chữa cháy tự động bằng khí FM-200, bình chữa cháy.
- Hệ thống báo cháy tự động, đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn. Hệ thống bảo vệ chống khói, hệ thống chống sét.
- Bệnh viện sẽ thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật liên quan. Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng.

*** Phương án phòng cháy chữa cháy:**

- Hệ thống cấp điện an toàn, có bộ phận ngắt mạch khi có sự cố chập mạch trên đường dây tải điện.
- Thường xuyên kiểm tra hệ thống điện để tránh hiện tượng chập điện xảy ra.
- Các máy móc, thiết bị được sử dụng trong khám chữa bệnh có hồ sơ lý lịch đi kèm và có đầy đủ các thông số kỹ thuật thường xuyên được kiểm tra giám sát.
- Thành lập đội PCCC, liên hệ với Công an PCCC của địa phương để tập huấn và thực hành thao tác PCCC định kỳ 01 năm/lần.
- Xây dựng các bước ứng cứu kịp thời khi sự cố cháy nổ xảy ra.

2. Sự cố tai nạn lao động rò rỉ hoá chất, nhiên liệu

Để giảm thiểu sự cố từ việc rò rỉ hoá chất, nhiên liệu, Bệnh viện đã thực hiện các biện pháp sau:

- Tiến hành lập kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố.
- Trang bị các thiết bị, dụng cụ, phương tiện ứng phó sự cố.
- Thường xuyên thực hiện kiểm tra, áp dụng các biện pháp an toàn.

*** Khi xảy ra sự cố:**

- Ngay lập tức thực hiện các biện pháp sơ cứu; báo cáo ngay với người có trách nhiệm.
- Lập biên bản ghi lại nội dung sự cố, nguồn gốc phát sinh sự cố, những vấn đề nguy hiểm có thể xảy ra.
- Thực hiện các biện pháp giám sát y tế, xét nghiệm máu hoặc các xét nghiệm khác nếu có chỉ định.

- Điều tra sự việc, xác định và thực hiện các hành động khắc phục hậu quả để ngăn ngừa các sự cố tương tự xảy ra trong tương lai.

- Bổ sung các lưu ý về vấn đề an toàn, giám sát y tế nếu cần thiết; các khu vực bị ô nhiễm phải được làm sạch và khử trùng nếu cần thiết.

- Hạn chế tối đa sự tiếp xúc của nhân viên trong quá trình làm sạch; hạn chế sự tác động của sự cố đến bệnh nhân, nhân viên và môi trường.

3. Sự cố nhiễm khuẩn vi khuẩn, vi trùng

- Dụng cụ y tế nhiễm khuẩn sau khi dùng xong phải được ngâm vào dung dịch tẩy uế trước khi loại bỏ hoặc dùng lại; khử trùng, tiệt khuẩn dụng cụ, vật dụng bằng sức nóng hoặc hóa chất phải đảm bảo đúng quy định, đủ thời gian, đúng nồng độ hoặc nhiệt độ.

- Trước khi tiến hành các thủ thuật phẫu thuật, thủ thuật vô khuẩn, người thực hiện sẽ tuân thủ đúng các quy định về vô khuẩn; kỹ thuật vô khuẩn được tiến hành trong điều kiện vô khuẩn.

- Các phòng được cấp đủ điện, nước, găng tay vệ sinh, chổi, xô, chậu, xà phòng, dung dịch khử khuẩn,...; mỗi khoa có một đường nước cọ rửa dụng cụ, có đủ giá kệ bảo quản dụng cụ vệ sinh và đồ vải chò mang đi giặt; các thiết bị, dụng cụ y tế trong buồng được bố trí, sắp xếp thuận tiện cho việc phục vụ người bệnh và vệ sinh tẩy uế; bố trí đủ thùng rác có nắp đậy, để trên hành lang, đủ để sử dụng cho người bệnh và các thành viên trong khoa; trần, tường, bề mặt cửa, cánh cửa các khoa, buồng luôn được giữ sạch, không có mạng nhện. nền các buồng được lát gạch men nhẵn, khô, không thấm nước và luôn sạch.

4. Sự cố ngập lụt

- Trên đầu ram dốc và cuối dầm dốc cần bố trí các thanh thu nước để nước không bị tràn vào hầm khi trời mưa; định kỳ kiểm tra, gia cố các hạng mục công trình, hệ thống mương, rãnh, hệ thống thoát nước.

- Cập nhật thường xuyên các số liệu về tình hình thời tiết, mưa bão tại địa phương để có biện pháp ứng phó kịp thời khi xảy ra thiên tai; phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng thực hiện các biện pháp phòng chống thiên tai khi xảy ra bão lũ.

- Sử dụng hệ thống van một chiều để ngăn nước từ cống tràn ngược vào tầng hầm; trang bị máy bơm có công suất lớn và phù hợp với diện tích tầng hầm; lắp đặt hệ thống cảm biến mực nước để phát hiện sớm nguy cơ ngập và kích hoạt bơm thoát nước tự động; sử dụng bao cát chắn hoặc lắp đặt các rào chắn di động tại cửa ra vào tầng hầm để ngăn nước mưa hoặc nước lũ tràn vào.

5. Sự cố tai nạn giao thông

- Bố trí khu vực đậu xe phù hợp trong khuôn viên Bệnh viện; đặt biển báo, báo hiệu giảm tốc độ cho các phương tiện giao thông khi ra vào Bệnh viện.
- Quy định cụ thể thời gian khám, chữa bệnh và thăm nuôi bệnh nhân trong ngày; yêu cầu nhân viên, người bệnh và thân nhân tuân thủ chấp hành các nội quy của Bệnh viện.

6. Sự cố an toàn bức xạ

- Phòng X-Quang và các máy móc, thiết bị có bức xạ của Bệnh viện đã được xây dựng, bố trí tuân thủ nghiêm ngặt theo đúng tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành. Bệnh viện đảm bảo thực hiện đúng theo các quy định hiện hành về an toàn và phòng chống ô nhiễm bức xạ, đồng thời áp dụng các biện pháp quản lý như sau:

+ Phòng chụp X-Quang là phòng kín, có diện tích đúng quy định, được che chắn bằng vật liệu cản tia để ngăn bức xạ lọt ra ngoài, chiều dày lớp chắn chì là 2mm, chiều cao trên 2m. Tường phòng X-Quang, phòng chụp CT ốp tấm chì đảm bảo yêu cầu về an toàn bức xạ theo quy định, sơn nước hoàn thiện. Tường phòng MRI gắn thêm lồng Faraday cản từ.

+ Cửa có ốp chì cản xạ: phòng chụp X Quang, phòng chụp CT.

+ Cửa bên trong dát đồng: phòng MRI.

+ Có bảng chỉ dẫn gần khu vực phòng X-Quang và biển cảnh báo bức xạ gắn bên ngoài cửa ra vào phòng.

+ Máy X-Quang được bố trí đảm bảo khi hoạt động chùm tia X không phát ra hướng có cửa có nhiều người qua lại.

+ Sử dụng các máy móc, thiết bị X-Quang đạt tiêu chuẩn hiện hành, có đầy đủ hồ sơ kỹ thuật.

+ Máy móc, thiết bị được kiểm định định kỳ 01 lần/năm. Thực hiện thủ tục xin cấp/gia hạn giấy phép sử dụng thiết bị X-Quang đúng quy định.

+ Trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động cho kỹ thuật viên và nhân viên phòng X-Quang như găng tay, màn chắn chì, tạp dề chì, kính chì, che chắn tuyến giáp,... và hạn chế tối đa thời gian tiếp xúc với tia xạ.

+ Nhân viên phụ trách khu vực này có liều kế cá nhân và được theo dõi liều, kiểm tra sức khỏe định kỳ để phát hiện và phòng tránh hậu quả nhiễm xạ.

+ Sử dụng thiết bị kỹ thuật số in phim X-Quang để giảm thiểu lượng chất thải phóng xạ phát sinh.

+ Thực hiện công tác kiểm soát an toàn và quan trắc môi trường lao động định kỳ để theo dõi rò rỉ bức xạ và đưa ra giải pháp thích hợp theo thực trạng.

Bên cạnh đó, hằng năm Bệnh viện tổ chức huấn luyện cho các nhân viên bức xạ y tế về nội quy an toàn bức xạ, quy định của cơ sở liên quan đến bảo đảm an toàn bức xạ, quy trình ứng phó sự cố bức xạ hoặc phổ biến các quy định mới, các thông tin mới về đảm bảo an toàn bức xạ. Tổ chức diễn tập ứng phó sự cố bức xạ ít nhất 01 lần/năm.

7. Sự cố an toàn lao động

- Ban hành nội quy, quy định về an toàn lao động. Tổ chức tập huấn thường xuyên cho nhân viên của Bệnh viện về công tác an toàn lao động và ứng phó sự cố nhằm duy trì khả năng giải quyết tại chỗ.

- Các máy móc, thiết bị làm việc ở nhiệt độ và áp suất cao được đăng kiểm định kỳ, có lắp thiết bị đo (nhiệt độ, áp suất) để kiểm tra, giám sát thường xuyên. Hóa chất, nhiên liệu dễ cháy được lưu trữ trong các kho riêng biệt, cách ly các nguồn nhiệt cao hoặc có khả năng bắt lửa.

- Lắp đặt hệ thống báo cháy, báo động và bố trí các thiết bị PCCC tại chỗ cho các khu vực dễ phát sinh cháy nổ.

- Lắp đặt hệ thống chiếu sáng đầy đủ cho những khu vực làm việc ban đêm.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho nhân viên theo đúng yêu cầu về an toàn lao động đối với từng công việc chuyên môn.

- Thực hiện công tác khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ nhân viên tại Bệnh viện; thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm cho nhân viên theo quy định, đảm bảo các quyền lợi thiết yếu cho người lao động.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 110/GPMT-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2025 của UBND thành phố)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Huế chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường. Thực hiện đúng các nội dung cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Dự án.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025).

3. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.